

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	12,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.4%	-5.9%	-

DT thuần	2024	YoY
30,306		▲ 1,977
tỷ VNĐ		▲ 7.0%

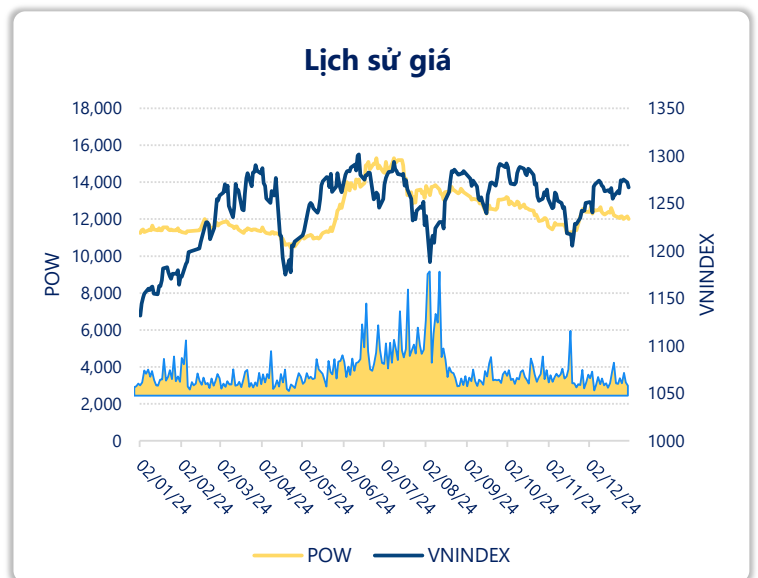
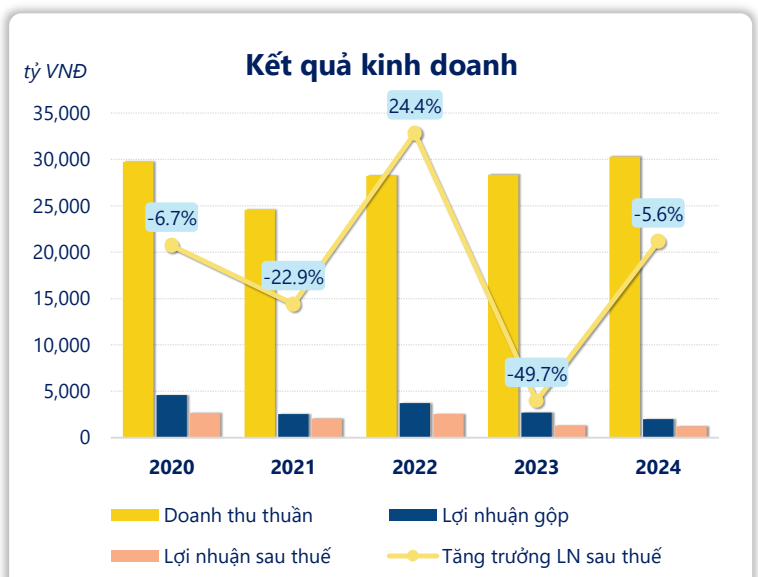
LN gộp	2024	YoY
1,998		▼ 706
tỷ VNĐ		▼ 26.1%

LN thuần	2024	YoY
883		▼ 407
tỷ VNĐ		▼ 31.6%

LN sau thuế	2024	YoY
1,211		▼ 72.0
tỷ VNĐ		▼ 5.6%

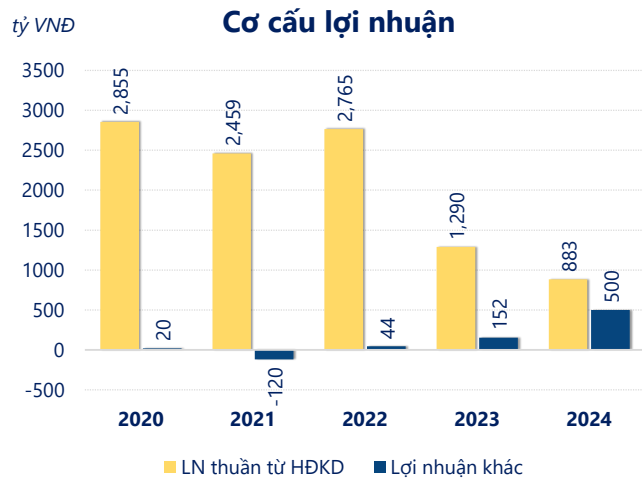
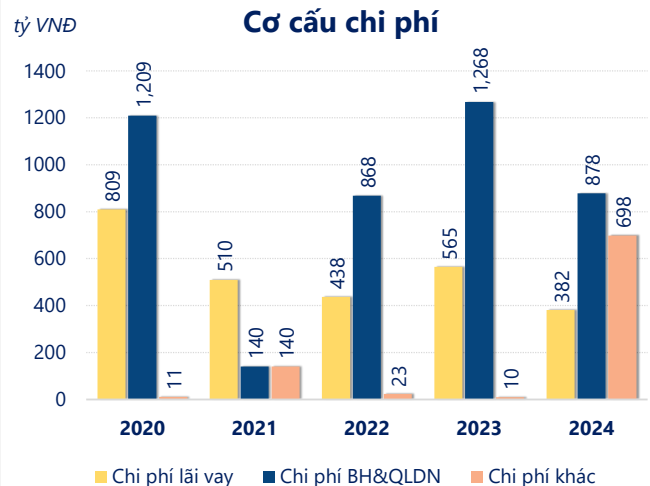
ROE	2024	+/- YoY
3.2%		▲ 0.2%

ROA	2024	+/- YoY
1.5%		▼ 0.2%



Kết quả kinh doanh **POW** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **30,306** tỷ đồng **tăng 6.98%**, lợi nhuận sau thuế đạt **1,211** tỷ đồng **giảm 5.58%**.

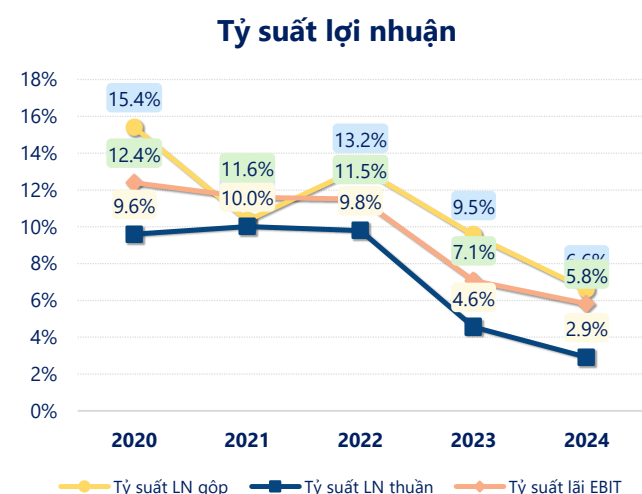
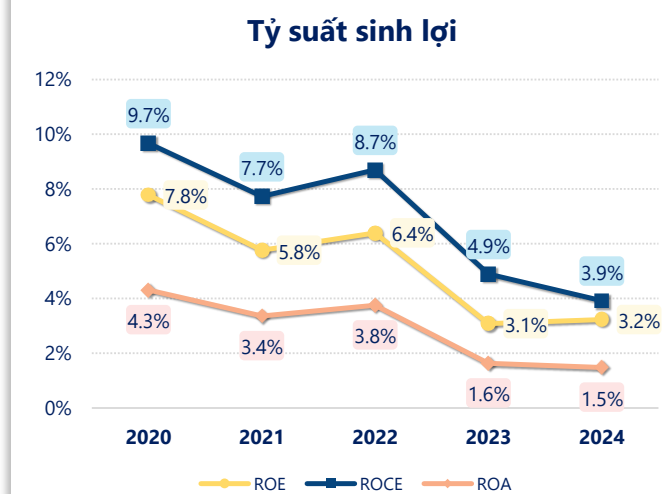
Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **3.23%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.



Năm **2024**, **POW** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **882.7** tỷ đồng, **giảm đi 407.4** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (2,051 tỷ đồng) là 1,168 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **381.6** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **877.8** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **697.7** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của POW năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **3.23%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



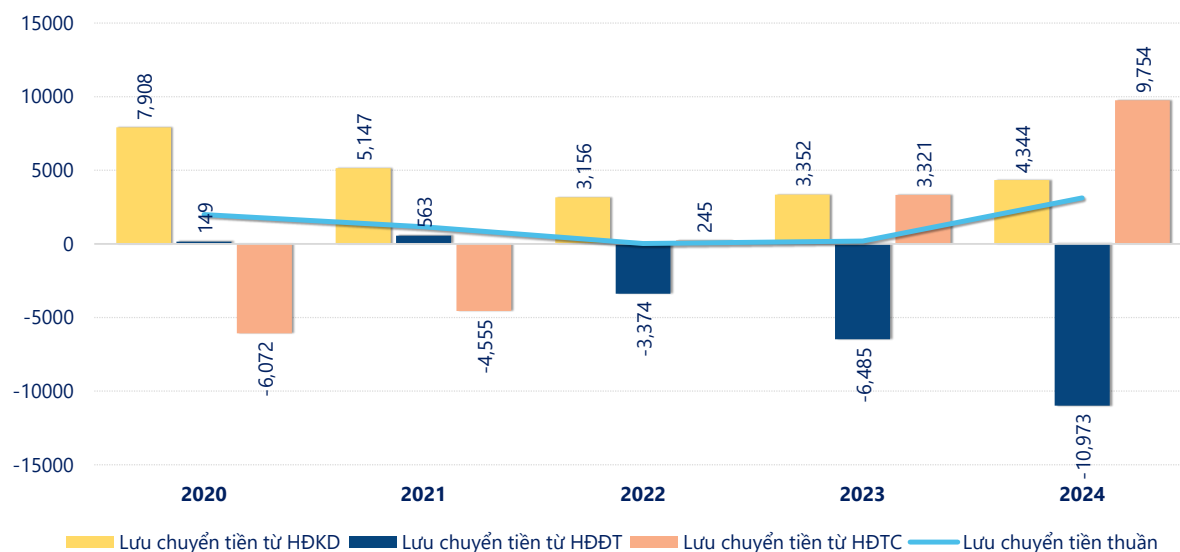
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	29,732	24,561	28,224	28,329	30,306
Giá vốn hàng bán	25,152	22,021	24,498	25,625	28,308
Lợi nhuận gộp	4,580	2,540	3,726	2,704	1,998
Doanh thu HĐTC	440	690	445	544	566
Chi phí TC	999	653	592	730	845
Chi phí lãi vay	809	510	438	565	382
LN trong công ty LKLD	44.1	22.5	53.2	40.1	42.2
Chi phí bán hàng	35.2	9.43	0	0	0
Chi phí QLDN	1,174	131	868	1,268	878
LN thuần từ HĐKD	2,855	2,459	2,765	1,290	883
Lợi nhuận khác	19.9	-120	44.1	152	500
LN trước thuế	2,875	2,339	2,809	1,442	1,383
Lợi nhuận sau thuế	2,663	2,052	2,553	1,283	1,211
LNST của CĐ cty mẹ	2,365	1,799	2,061	1,038	1,112

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của POW bằng **3,125** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (187.6 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **4,344** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-10,973** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **9,754** tỷ đồng.